

MULTI VTM S

Nhà cung cấp giải pháp không khí toàn diện



DÀI CÔNG SUẤT DÀN NÓNG

Dàn nóng : HP / ○ 220V, 1Φ / ● 380V, 3Φ / CO ▲ 220V, 1Φ

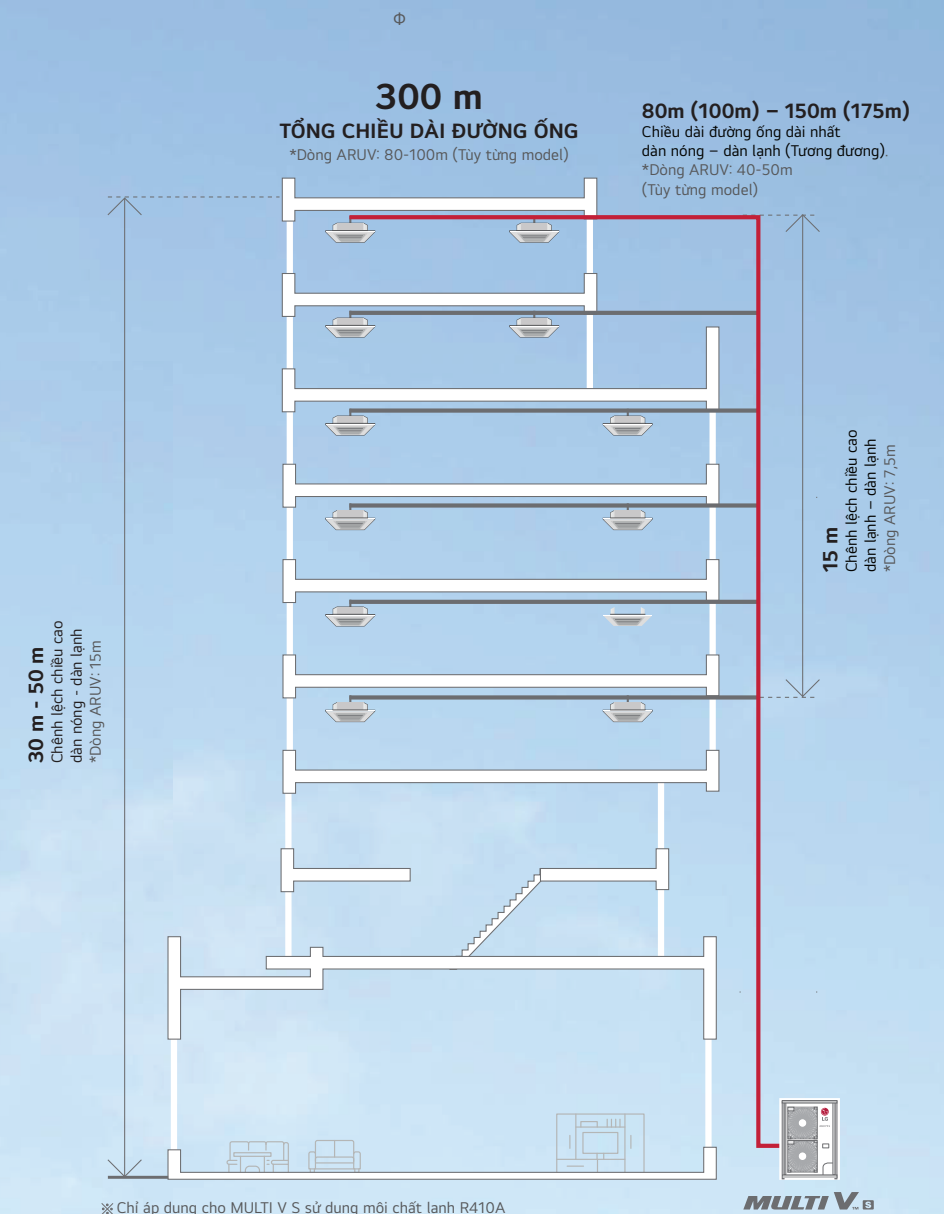
Đặc điểm	Hình dáng	3	4	5	6	8	10	12
MULTI V™ S • Tiết kiệm không gian • Ứng dụng thiết kế linh hoạt - Gọn, nhẹ, dài vận hành rộng (4-12 HP) - Số lượng dàn lạnh kết nối được lớn (lên đến 20 dàn lạnh) • Dành cho tòa nhà vừa và nhỏ		▲	▲	▲	▲			
			○ ●	○ ●	○ ●			
						●	●	●

MULTI VTM S

- Hệ thống VRF cỡ nhỏ loại một chiều lạnh & hai chiều lạnh/ sưởi
- 9,2 - 33,6kW (Dựa trên công suất làm mát)
- Nguồn điện 1Φ, 220-240V, 50Hz và 3Φ, 380-415V, 50Hz
- Dàn nóng kiểu hướng thổi gió ngang

300M
TỔNG CHIỀU DÀI ĐƯỜNG ỐNG

VRF nhỏ gọn,
mạnh mẽ
Dành cho
nhà ở cao cấp và
văn phòng nhỏ



Tiết kiệm
năng lượng



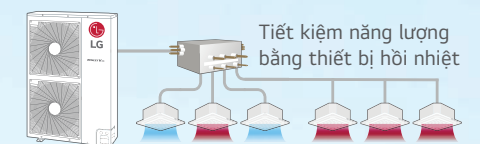
Độ tin cậy



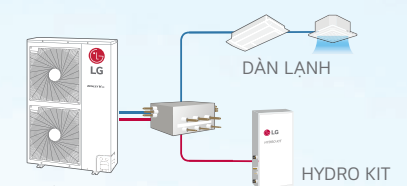
Tiện lợi

Thiết bị hoạt động như thế nào?

Hiện có các sản phẩm dàn nóng hai chiều và dàn nóng hồi nhiệt



Kết hợp giải pháp làm mát, sưởi ấm và nước nóng



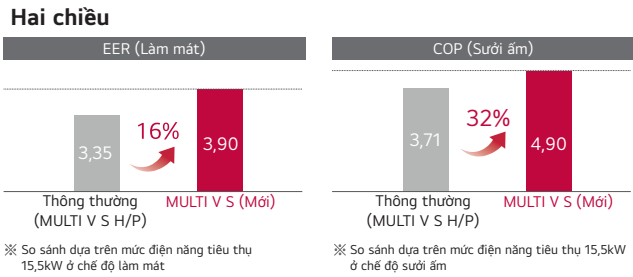
Multi V S
Dàn nóng hồi nhiệt

※ Dàn nóng hai chiều và dàn nóng hồi nhiệt là hai model riêng biệt.

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

EER/COP/Tải từng phần

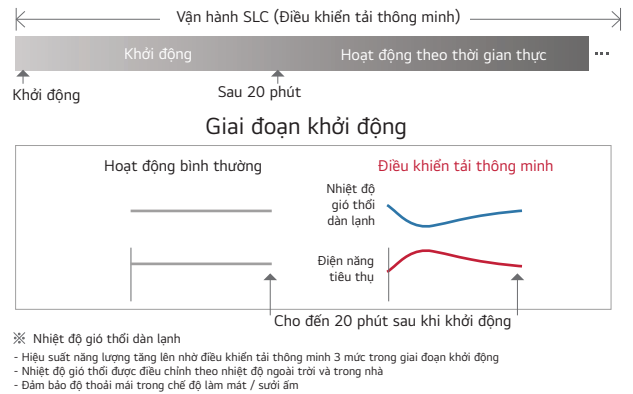
Tiết kiệm chi phí nhờ hiệu suất năng lượng



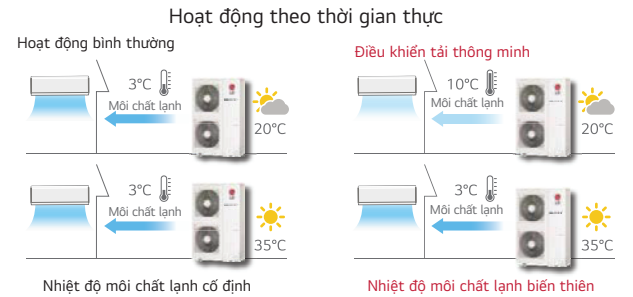
Ứng dụng điều khiển tải thông minh

Tăng cường mức độ thoải mái và tiết kiệm năng lượng lên đến 23% với chức năng điều khiển tải MULTI V

MULTI V S thay đổi liên tục nhiệt độ gió thổi của dàn lạnh theo mức tải, giúp tiết kiệm năng lượng.



Tiết kiệm năng lượng lên tới

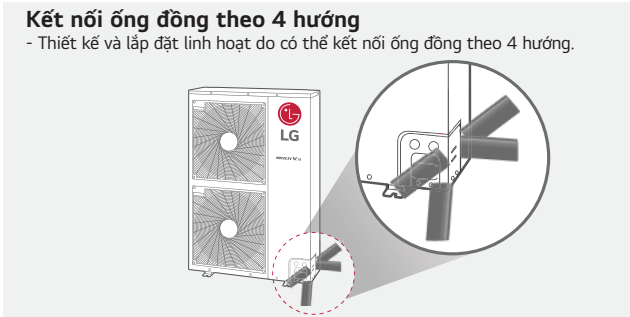


CẢI THIỆN TIỆN NGHI SỬ DỤNG

Chiều dài đường ống phù hợp

Chiều dài đường ống tăng lên cho phép thiết kế và lắp đặt linh hoạt

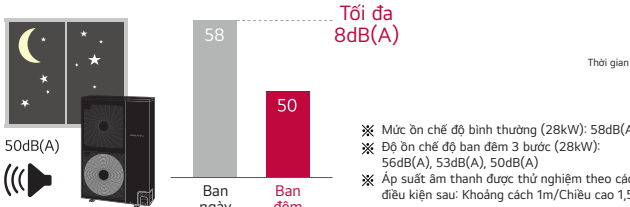
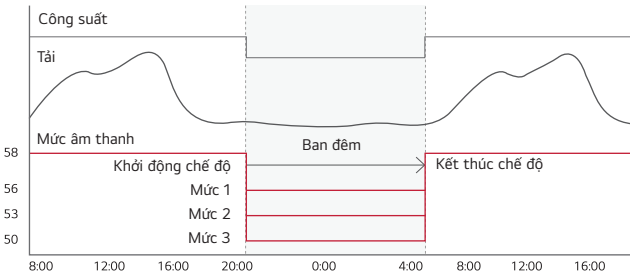
Nhờ công nghệ biến tần và công nghệ mạch điều khiển quá lạnh, MULTI V S cho phép đáp ứng chiều dài đường ống lớn hơn và chênh lệch độ cao vượt trội. Chính vì vậy hệ thống điều hòa có thể lắp đặt được linh hoạt hơn trong cửa hàng, văn phòng và thậm chí là tòa nhà cao tầng, giúp giảm thời gian làm việc của nhà thiết kế và mang lại hiệu quả thiết kế cao hơn.



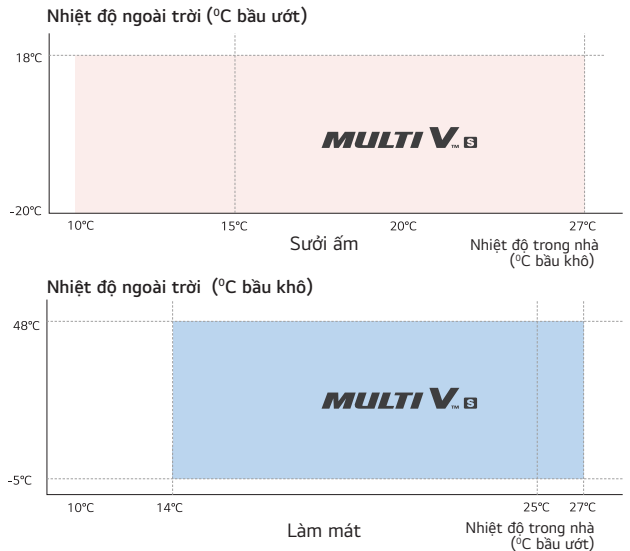
Hoạt động với độ ồn thấp

Giảm tiếng ồn khi vận hành với chức năng giảm tiếng ồn

Ở chế độ ban đêm, tiếng ồn giảm tối đa 14% so với chế độ bình thường.



Dải vận hành rộng hơn



Công nghệ quạt và điều khiển

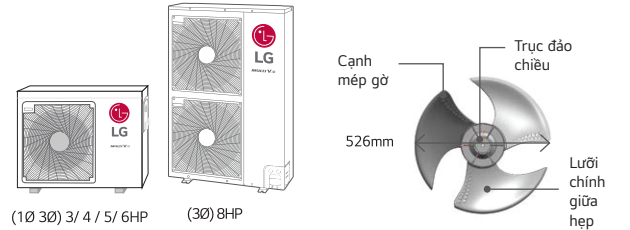
tốc độ quạt

Điều khiển áp suất tĩnh ngoài cho quạt dàn nóng hỗ trợ lắp đặt linh hoạt hơn với nhiều điều kiện lắp đặt khác nhau.

Để nâng cao hiệu quả, quạt hướng trục mới tạo ra lưu lượng gió lớn hơn, tăng áp suất tĩnh và giảm tiếng ồn.

Công nghệ quạt

Quạt hướng trục mới có mép sau cong, cánh trục hẹp và trục ngược, mang lại hiệu suất cao, độ ồn thấp, cánh quạt rộng cũng như tăng lưu lượng gió.

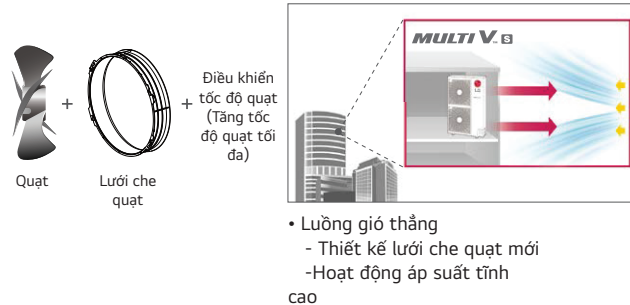


Quạt Super Canon làm tăng lượng gió lên 50 CMM và giảm độ ồn tới 4dB(A).



Điều khiển tốc độ quạt

Lưu lượng gió thẳng nhờ vào thiết kế lưới quạt và bộ điều khiển tốc độ quạt ngay cả khi lắp đặt tại các tòa nhà cao tầng.

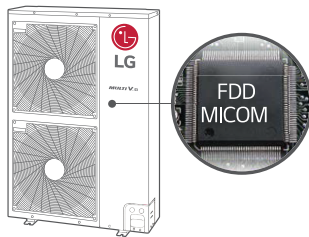


Nâng cấp Bộ phân tích và chẩn đoán lỗi (FDD)

Bảo trì dễ dàng và tiện lợi với chức năng tự chẩn đoán

Việc tích hợp các chức năng FDD mới – Tự động khởi động, tự động kiểm tra môi chất lạnh, chức năng hộp đen, đánh giá đồng thời và tự động thu hồi môi chất lạnh, mang lại giải pháp tối ưu về mức độ tin cậy sử dụng và dễ bảo trì.

- Chế độ vận hành tự động
- Tự động thu hồi môi chất lạnh
- Tự động đánh giá lượng môi chất lạnh và nạp
- Có thể sử dụng LGMV (LG Monitoring View) thông qua điện thoại thông minh
- Chức năng hộp đen
- Kiểm tra lỗi đường ống & dây điện



MULTI V S MỘT CHIỀU LẠNH

ARUV030GSD5 / ARUV040GSD5
ARUV050GSD5 / ARUV060GSD5



HP			3	4	5	6
Tên model	Dàn nóng tổ hợp		ARUV030GSD5	ARUV040GSD5	ARUV050GSD5	ARUV060GSD5
Công suất (Định mức)	Làm lạnh	kW	9,2	11,0	14,5	16,0
		Btu/h	31.400	37.600	49.500	54.600
	Sưởi ấm	kW	-	-	-	-
		Btu/h	-	-	-	-
Điện năng tiêu thụ (Định mức)	Làm lạnh	kW	2,36	2,89	3,62	4,50
	Sưởi ấm	kW	-	-	-	-
EER (Định mức)			3,90	3,81	4,01	3,56
COP (Định mức)			-	-	-	-
Màu vỏ máy			Xám ấm	Xám ấm	Xám ấm	Xám ấm
Dàn trao đổi nhiệt			Wide Louver Plus	Wide Louver Plus	Wide Louver Plus	Wide Louver Plus
Máy nén	Loại		Biến tần quay kép - Twin Rotary	Biến tần quay kép - Twin Rotary	Biến tần xoắn ốc - Inverter Scroll	Biến tần xoắn ốc - Inverter Scroll
	Dung tích	cm ³ /vòng	20,8	20,8	31,6	31,6
	Tốc độ quay	vòng/phút	3.600	3.600	3.600	3.600
	Công suất	W × Số lượng	1.500 × 1	1.500 × 1	3.198 × 1	3.198 × 1
	Loại đầu		FW68D (PVE)	FW68D (PVE)	FW68D	FW68D
Quạt	Loại		Quạt hướng trục	Quạt hướng trục	Quạt hướng trục	Quạt hướng trục
	Công suất	W × Số lượng	124,2 × 1	124,2 × 1	198 × 1	198 × 1
	Lưu lượng gió (Cao)	m ³ /phút	60	60	80	80
	Áp suất tĩnh ngoài tối đa	Pa	30	30	30	30
	Động cơ		Biến tần DC	Biến tần DC	Biến tần DC	Biến tần DC
	Hướng gió ra	Mặt bên/Mặt trên	Mặt bên	Mặt bên	Mặt bên	Mặt bên
Kích thước đường ống	Ống lỏng	mm (inch)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)
	Ống hơi	mm (inch)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 19,05 (3/4)
Kích thước (R×C×S)	Thực	mm	950 × 834 × 330	950 × 834 × 330	950 × 834 × 330	950 × 834 × 330
Trọng lượng	Thực	kg	53	53	67	67
Mức áp suất âm thanh	Làm lạnh	dB(A)	52	52	53	56
	Sưởi ấm	dB(A)	-	-	-	-
	Bảo vệ áp suất cao	-	-	-	-	-
Thiết bị bảo vệ			Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá tải tải biến tần	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá tải tải biến tần	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá tải tải biến tần	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá tải tải biến tần
	Máy nén/Quạt	-				
	Biến tần	-	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá dòng	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá dòng	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá dòng	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá dòng
Dây tín hiệu		Số lượng × mm ² (VCTF-SB)	2C × 1,0 ~ 1,5	2C × 1,0 ~ 1,5	2C × 1,0 ~ 1,5	2C × 1,0 ~ 1,5
Môi chất lạnh	Loại		R410A	R410A	R410A	R410A
	Lượng nạp sẵn	kg	1,0	1,0	2,0	2,0
	Điều khiển		Van tiết lưu điện tử	Van tiết lưu điện tử	Van tiết lưu điện tử	Van tiết lưu điện tử
Nguồn cấp	Φ, V, Hz		1, 220~240, 50	1, 220~240, 50	1, 220~240, 50	1, 220~240, 50
Số lượng dàn lạnh tối đa có thể kết nối			5	6	8	9

Lưu ý

- Điều kiện thử nghiệm Eurovent: Loại dàn lạnh kết nối là dàn lạnh âm trần nối ống gió.
 - Tham khảo quy định chứng nhận EUROVENT để biết thêm chi tiết về điều kiện thử nghiệm.
 - Tham khảo trang web EUROVENT về giá trị thử nghiệm cho loại dàn lạnh âm trần.
- Hiệu suất được tính toán dựa trên các điều kiện sau:
 - Nhiệt độ làm mát: Nhiệt độ trong nhà 27°C (80,6°F) bầu khô / 19°C (66,2°F) bầu ướt / Nhiệt độ ngoài trời 35°C (95°F) bầu khô / 24°C (75,2°F) bầu ướt
 - Nhiệt độ sưởi ấm: Nhiệt độ trong nhà 20°C (68°F) bầu khô / 15°C (59°F) bầu ướt / Nhiệt độ ngoài trời 7°C (44,6°F) bầu khô / 6oC (42,8°F) bầu ướt
- Tỷ lệ kết nối tối đa là 160% (với những model ARUV*** (loại một chiều) là 130%)
- Kích thước dây cáp nguồn phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia.
- Do chính sách cải tiến không ngừng của chúng tôi, một số thông số kỹ thuật có thể bị thay đổi mà không cần thông báo trước.
- Mức áp suất âm thanh được đo ở điều kiện định mức trong phòng cách âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức áp suất âm thanh được đo ở điều kiện định mức trong phòng dội âm theo tiêu chuẩn ISO 3741. Do đó, những giá trị này có thể tăng lên tùy theo điều kiện môi trường trong quá trình vận hành.
- Hệ số công suất có thể dao động ít hơn ±1% tùy theo điều kiện hoạt động.
- Sản phẩm này có chứa khí nhà kính flo hóa. (R410A, GWP (Tiềm năng nóng lên toàn cầu) = 2087,5)

MULTI V S HAI CHIỀU

ARUN040GSS5/ ARUN050GSS5/ ARUN060GSS5



HP		4	5	6
Tên model	Dàn nóng tổ hợp	ARUN040GSS5	ARUN050GSS5	ARUN060GSS5
Công suất (Định mức)	Làm lạnh	kW	12,1	14,0
		Btu/h	41.300	47.800
	Sưởi ấm	kW	12,5	16,0
		Btu/h	42.700	54.600
Điện năng tiêu thụ (Định mức)	Làm lạnh	kW	3,06	3,33
	Sưởi ấm	kW	2,90	3,48
EER (Định mức)		W/W	3,95	4,20
COP (Định mức)		W/W	4,31	4,60
Màu vỏ máy		Xám ẩm	Xám ẩm	Xám ẩm
Dàn trao đổi nhiệt		Wide Louver Plus	Wide Louver Plus	Wide Louver Plus
Máy nén	Loại	Biến tần xoắn ốc - Inverter Scroll	Biến tần xoắn ốc - Inverter Scroll	Biến tần xoắn ốc - Inverter Scroll
	Dung tích	cm ³ /vòng	31,6	31,6
	Tốc độ quay	vòng/phút	3.600	3.600
	Công suất	W × Số lượng	3.198 × 1	3.198 × 1
	Loại dầu	FW68D	FW68D	FW68D
Quạt	Loại	Quạt hướng trục	Quạt hướng trục	Quạt hướng trục
	Công suất	W × Số lượng	124 × 1	198 × 1
	Lưu lượng gió (Cao)	m ³ /phút	60	80
	Áp suất tĩnh ngoài tối đa	Pa	30	30
	Động cơ	Biến tần DC	Biến tần DC	Biến tần DC
	Hướng gió ra	Mặt bên/Mặt trên	Mặt bên	Mặt bên
Kích thước đường ống	Ống lỏng	mm (inch)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)
	Ống hơi	mm (inch)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)
Kích thước (R×C×S)	Thực	mm	950 × 834 × 330	950 × 834 × 330
Trọng lượng	Thực	kg	65	72
Mức áp suất âm thanh	Làm lạnh	dB(A)	51	57
	Sưởi ấm	dB(A)	55	60
Thiết bị bảo vệ	Bảo vệ áp suất cao	-	Cảm biến áp suất cao Bảo vệ quá tải	Cảm biến áp suất cao Bảo vệ quá tải
	Máy nén/Quạt	-	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá tải	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá tải
	Biến tần	-	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá dòng	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá dòng
Dây tín hiệu		Số lượng × mm ² (VCTF-SB)	2C × 1,0 ~ 1,5	2C × 1,0 ~ 1,5
Môi chất lạnh	Loại		R410A	R410A
	Lượng nạp sẵn	kg	1,8	2,4
	Điều khiển		Van tiết lưu điện tử	Van tiết lưu điện tử
Nguồn cấp		Φ, V, Hz	1, 220~240, 50	1, 220~240, 50
Số lượng dàn lạnh tối đa có thể kết nối			8	10

Lưu ý

- Điều kiện thử nghiệm Eurovent: Loại dàn lạnh kết nối là dàn lạnh âm trần nổi ống gió.
 - Tham khảo quy định chứng nhận EUROVENT để biết thêm chi tiết về điều kiện thử nghiệm.
 - Tham khảo trang web EUROVENT về giá trị thử nghiệm cho loại dàn lạnh âm trần.
- Hiệu suất được tính toán dựa trên các điều kiện sau:
 - Nhiệt độ làm mát: Nhiệt độ trong nhà 27°C (80,6°F) bầu khô / 19°C (66,2°F) bầu ướt / Nhiệt độ ngoài trời 35°C (95°F) bầu khô /24°C (75,2°F) bầu ướt
 - Nhiệt độ sưởi ấm: Nhiệt độ trong nhà 20°C (68°F) bầu khô / 15°C (59°F) bầu ướt / Nhiệt độ ngoài trời 7°C (44,6°F) bầu khô /6oC (42,8°F) bầu ướt
- Tỷ lệ kết nối tối đa là 160% (với những model ARUV*** (loại một chiều) là 130%)
- Kích thước dây cáp nguồn phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia.
- Do chính sách cải tiến không ngừng của chúng tôi, một số thông số kỹ thuật có thể bị thay đổi mà không cần thông báo trước.
- Mức áp suất âm thanh được đo ở điều kiện định mức trong phòng cách âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức áp suất âm thanh được đo ở điều kiện định mức trong phòng dội âm theo tiêu chuẩn ISO 3741. Do đó, những giá trị này có thể tăng lên tùy theo điều kiện môi trường trong quá trình vận hành.
- Hệ số công suất có thể dao động ít hơn ±1% tùy theo điều kiện hoạt động.
- Sản phẩm này có chứa khí nhà kính flo hóa. (R410A, GWP (Tiềm năng nóng lên toàn cầu) = 2087,5)

MULTI V S HAI CHIỀU

ARUN040LSS5/ ARUN050LGSS5/ ARUN060LSS5



HP		4	5	6
Tên model	Dàn nóng tổ hợp	ARUN040LSS5	ARUN050LSS5	ARUN060LSS5
Công suất (Định mức)	Làm lạnh	kW	12,1	14,0
		Btu/h	41.300	47.800
	Sưởi ấm	kW	12,5	16,0
		Btu/h	42.700	54.600
Điện năng tiêu thụ (Định mức)	Làm lạnh	kW	3,06	3,33
	Sưởi ấm	kW	2,90	3,48
EER (Định mức)		W/W	3,95	4,20
COP (Định mức)		W/W	4,31	4,60
Màu vỏ máy		Xám ẩm	Xám ẩm	Xám ẩm
Dàn trao đổi nhiệt		Wide Louver Plus	Wide Louver Plus	Wide Louver Plus
Máy nén	Loại	Biến tần xoắn ốc - Inverter Scroll	Biến tần xoắn ốc - Inverter Scroll	Biến tần xoắn ốc - Inverter Scroll
	Dung tích	cm ³ /vòng	31,6	31,6
	Tốc độ quay	vòng/phút	3.600	3.600
	Công suất	W × Số lượng	3.198 × 1	3.198 × 1
	Loại dầu	FW68D	FW68D	FW68D
Quạt	Loại	Quạt hướng trục	Quạt hướng trục	Quạt hướng trục
	Công suất	W × Số lượng	124 × 1	198 × 1
	Lưu lượng gió (Cao)	m ³ /phút	60	80
	Áp suất tĩnh ngoài tối đa	Pa	30	30
	Động cơ	Biến tần DC	Biến tần DC	Biến tần DC
	Hướng gió ra	Mặt bên/Mặt trên	Mặt bên	Mặt bên
Kích thước đường ống	Ống lỏng	mm (inch)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)
	Ống hơi	mm (inch)	Ø 15,88 (5/8)	Ø 15,88 (5/8)
Kích thước (R×C×S)	Thực	mm	950 × 834 × 330	950 × 834 × 330
Trọng lượng	Thực	kg	65	72
Mức áp suất âm thanh	Làm lạnh	dB(A)	51	57
	Sưởi ấm	dB(A)	55	60
Thiết bị bảo vệ	Bảo vệ áp suất cao	-	Cảm biến áp suất cao Bảo vệ quá tải	Cảm biến áp suất cao Bảo vệ quá tải
	Máy nén/Quạt	-	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá tải	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá tải
	Biến tần	-	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá dòng	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá dòng
Dây tín hiệu		Số lượng × mm ² (VCTF-SB)	2C × 1,0 ~ 1,5	2C × 1,0 ~ 1,5
Môi chất lạnh	Loại		R410A	R410A
	Lượng nạp sẵn	kg	1,8	2,4
	Điều khiển		Van tiết lưu điện tử	Van tiết lưu điện tử
Nguồn cấp		Φ, V, Hz	3, 380-415, 50	3, 380-415, 50
Số lượng dàn lạnh tối đa có thể kết nối			8	10

Lưu ý

- Điều kiện thử nghiệm Eurovent: Loại dàn lạnh kết nối là dàn lạnh âm trần nổi ống gió.
 - Tham khảo quy định chứng nhận EUROVENT để biết thêm chi tiết về điều kiện thử nghiệm.
 - Tham khảo trang web EUROVENT về giá trị thử nghiệm cho loại dàn lạnh âm trần.
- Hiệu suất được tính toán dựa trên các điều kiện sau:
 - Nhiệt độ làm mát: Nhiệt độ trong nhà 27°C (80,6°F) bầu khô / 19°C (66,2°F) bầu ướt / Nhiệt độ ngoài trời 35°C (95°F) bầu khô /24°C (75,2°F) bầu ướt
 - Nhiệt độ sưởi ấm: Nhiệt độ trong nhà 20°C (68°F) bầu khô / 15°C (59°F) bầu ướt / Nhiệt độ ngoài trời 7°C (44,6°F) bầu khô /6oC (42,8°F) bầu ướt
- Tỷ lệ kết nối tối đa là 160% (với những model ARUV*** (loại một chiều) là 130%)
- Kích thước dây cáp nguồn phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia.
- Do chính sách cải tiến không ngừng của chúng tôi, một số thông số kỹ thuật có thể bị thay đổi mà không cần thông báo trước.
- Mức áp suất âm thanh được đo ở điều kiện định mức trong phòng cách âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức áp suất âm thanh được đo ở điều kiện định mức trong phòng dội âm theo tiêu chuẩn ISO 3741. Do đó, những giá trị này có thể tăng lên tùy theo điều kiện môi trường trong quá trình vận hành.
- Hệ số công suất có thể dao động ít hơn ±1% tùy theo điều kiện hoạt động.
- Sản phẩm này có chứa khí nhà kính flo hóa. (R410A, GWP (Tiềm năng nóng lên toàn cầu) = 2087,5)

MULTI V S HAI CHIỀU

ARUN080LSS0 / ARUN100LSS0 / ARUN120LSS0



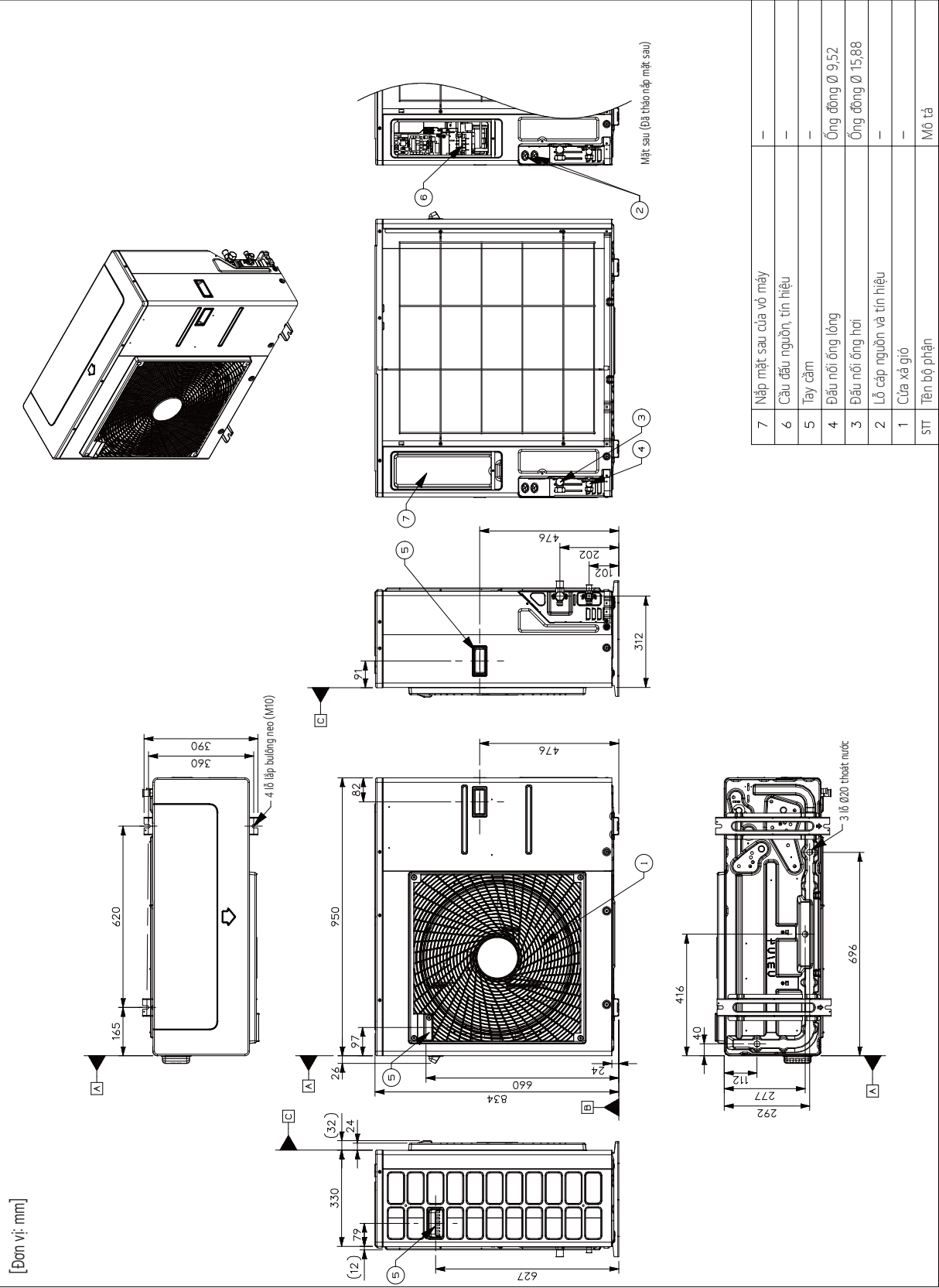
HP			8	10	12
Tên model	Dàn nóng tổ hợp		ARUN080LSS0	ARUN100LSS0	ARUN120LSS0
Công suất (Định mức)	Làm lạnh	kW	22,4	28,0	33,6
		Btu/h	76.400	95.900	114.700
	Sưởi ấm	kW	25,2	31,5	37,8
		Btu/h	86.000	107.500	129.000
Điện năng tiêu thụ (Định mức)	Làm lạnh	kW	5,89	7,09	9,08
	Sưởi ấm	kW	6,00	7,41	9,95
EER (Định mức)		W/W	3,80	3,95	3,70
COP (Định mức)		W/W	4,20	4,25	3,80
Màu vỏ máy			Xám ẩm	Xám ẩm	Xám ẩm
Dàn trao đổi nhiệt			Cửa gió rộng cải tiến	Cửa gió rộng cải tiến	Cửa gió rộng cải tiến
Máy nén	Loại		Xoắn ốc kín	Xoắn ốc kín	Xoắn ốc kín
	Dung tích	cm³/vòng	43,8	62,1	62,1
	Tốc độ quay	vòng/phút	3.600	3.600	3.600
	Công suất	W × Số lượng	4.200 × 1	5.300 × 1	5.300 × 1
	Loại dầu		FVC68D(PVE)	FVC68D(PVE)	FVC68D(PVE)
Quạt	Loại		Quạt hướng trục	Quạt hướng trục	Quạt hướng trục
	Công suất	W × Số lượng	124 × 2	250 × 2	250 × 2
	Lưu lượng gió (Cao)	m³/phút	140	190	190
	Áp suất tĩnh ngoài tối đa	Pa	30	25	25
	Động cơ		Biến tần DC	Biến tần DC	Biến tần DC
	Hướng gió ra	Mặt bên/Mặt trên	Mặt bên	Mặt bên	Mặt bên
Kích thước đường ống	Ống lỏng	mm (inch)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 9,52 (3/8)	Ø 12,7 (1/2)
	Ống hơi	mm (inch)	Ø 19,05 (3/4)	Ø 22,2 (7/8)	Ø 28,58 (1-1/8)
Kích thước (R×C×S)	Thực	mm	950 × 1.380 × 330	1.090 × 1.625 × 380	1.090 × 1.625 × 380
Trọng lượng	Thực	kg	115	142	155
Mức áp suất âm thanh	Làm lạnh	dB(A)	57	58	60
	Sưởi ấm	dB(A)	57	58	60
Thiết bị bảo vệ	Bảo vệ áp suất cao	-	Cảm biến áp suất cao Bảo vệ quá tải	Cảm biến áp suất cao Bảo vệ quá tải	Cảm biến áp suất cao Bảo vệ quá tải
	Máy nén/Quạt	-	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá tải	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá tải	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá tải
	Biến tần	-	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá dòng	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá dòng	Bảo vệ quá nhiệt Bảo vệ quá dòng
Dây tín hiệu		Số lượng × mm² (VCTF-SB)	2C × 1,0 ~ 1,5	2C × 1,0 ~ 1,5	2C × 1,0 ~ 1,5
Môi chất lạnh	Loại		R410A	R410A	R410A
	Lượng nạp sẵn	kg	3,5	4,5	6,0
	Điều khiển		Van tiết lưu điện tử	Van tiết lưu điện tử	Van tiết lưu điện tử
Nguồn cấp	Φ, V, Hz		3, 380-415, 50	3, 380-415, 50	3, 380-415, 50
Số lượng dàn lạnh tối đa có thể kết nối			13	16	20

Lưu ý

- Điều kiện thử nghiệm Eurovent: Loại dàn lạnh kết nối là dàn lạnh âm trần nối ống gió.
 - Tham khảo quy định chứng nhận EUROVENT để biết thêm chi tiết về điều kiện thử nghiệm.
 - Tham khảo trang web EUROVENT về giá trị thử nghiệm cho loại dàn lạnh âm trần.
- Hiệu suất được tính toán dựa trên các điều kiện sau:
 - Nhiệt độ làm mát: Nhiệt độ trong nhà 27°C (80,6°F) bầu khô / 19°C (66,2°F) bầu ướt / Nhiệt độ ngoài trời 35°C (95°F) bầu khô /24°C (75,2°F) bầu ướt
 - Nhiệt độ sưởi ấm: Nhiệt độ trong nhà 20°C (68°F) bầu khô / 15°C (59°F) bầu ướt / Nhiệt độ ngoài trời 7°C (44,6°F) bầu khô /6oC (42,8°F) bầu ướt
- Tỷ lệ kết nối tối đa là 160% (với những model ARUV*** (loại một chiều) là 130%)
- Kích thước dây cáp nguồn phải tuân thủ các quy định hiện hành của địa phương và quốc gia.
- Do chính sách cải tiến không ngừng của chúng tôi, một số thông số kỹ thuật có thể bị thay đổi mà không cần thông báo trước.
- Mức áp suất âm thanh được đo ở điều kiện định mức trong phòng cách âm theo tiêu chuẩn ISO 3745. Mức áp suất âm thanh được đo ở điều kiện định mức trong phòng dội âm theo tiêu chuẩn ISO 3741. Do đó, những giá trị này có thể tăng lên tùy theo điều kiện môi trường trong quá trình vận hành.
- Hệ số công suất có thể dao động ít hơn ±1% tùy theo điều kiện hoạt động.
- Sản phẩm này có chứa khí nhà kính flo hóa. (R410A, GWP (Tiềm năng nóng lên toàn cầu) = 2087,5)

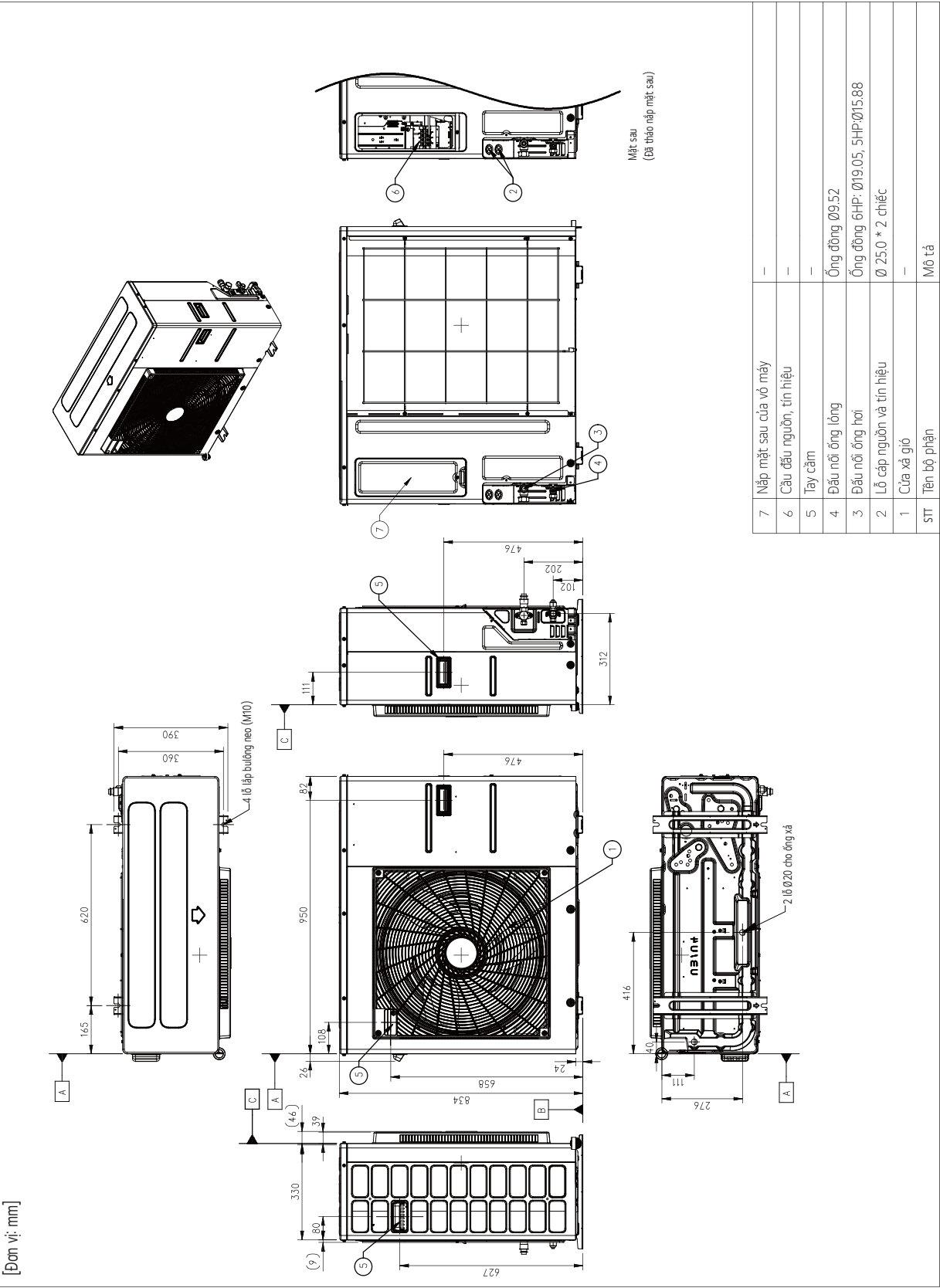
Kích thước

ARUV030GSD5 / ARUV040GSD5



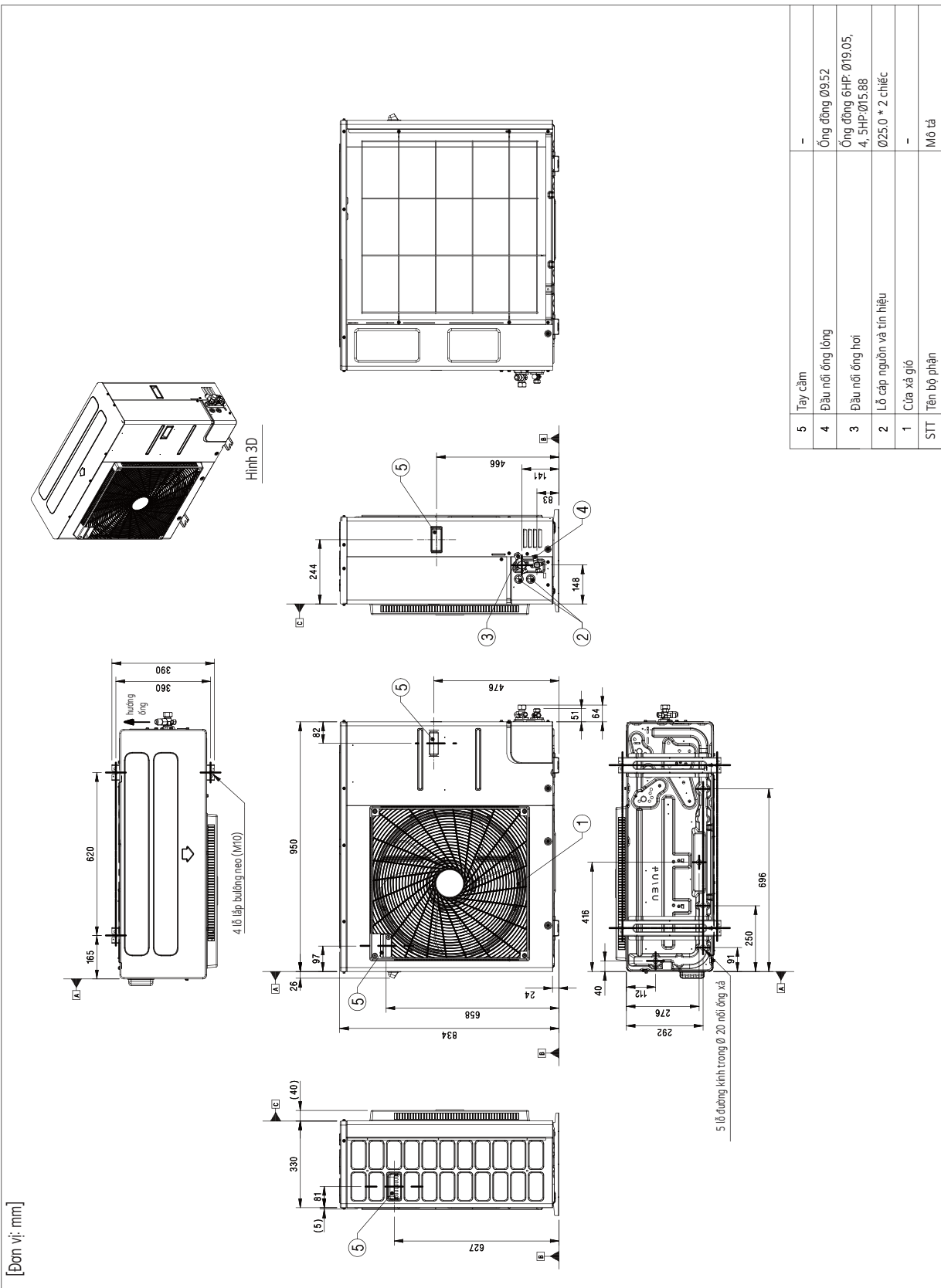
Kích thước

ARUV050GSD5 / ARUV060GSD5



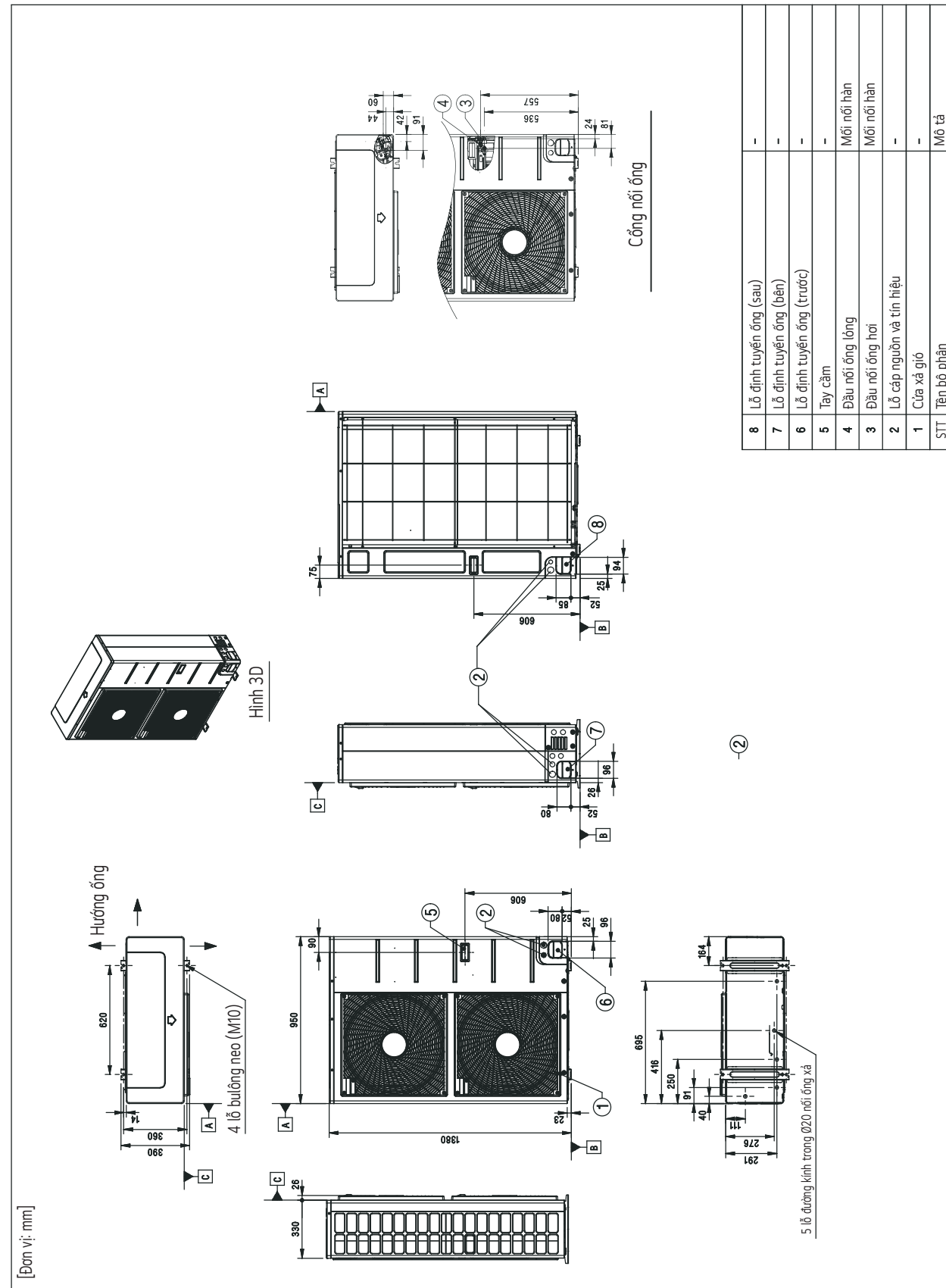
Kích thước

ARUN040GSS5 / ARUN050GSS5 / ARUN060GSS5
ARUN040LSS5 / ARUN050LSS5 / ARUN060LSS5



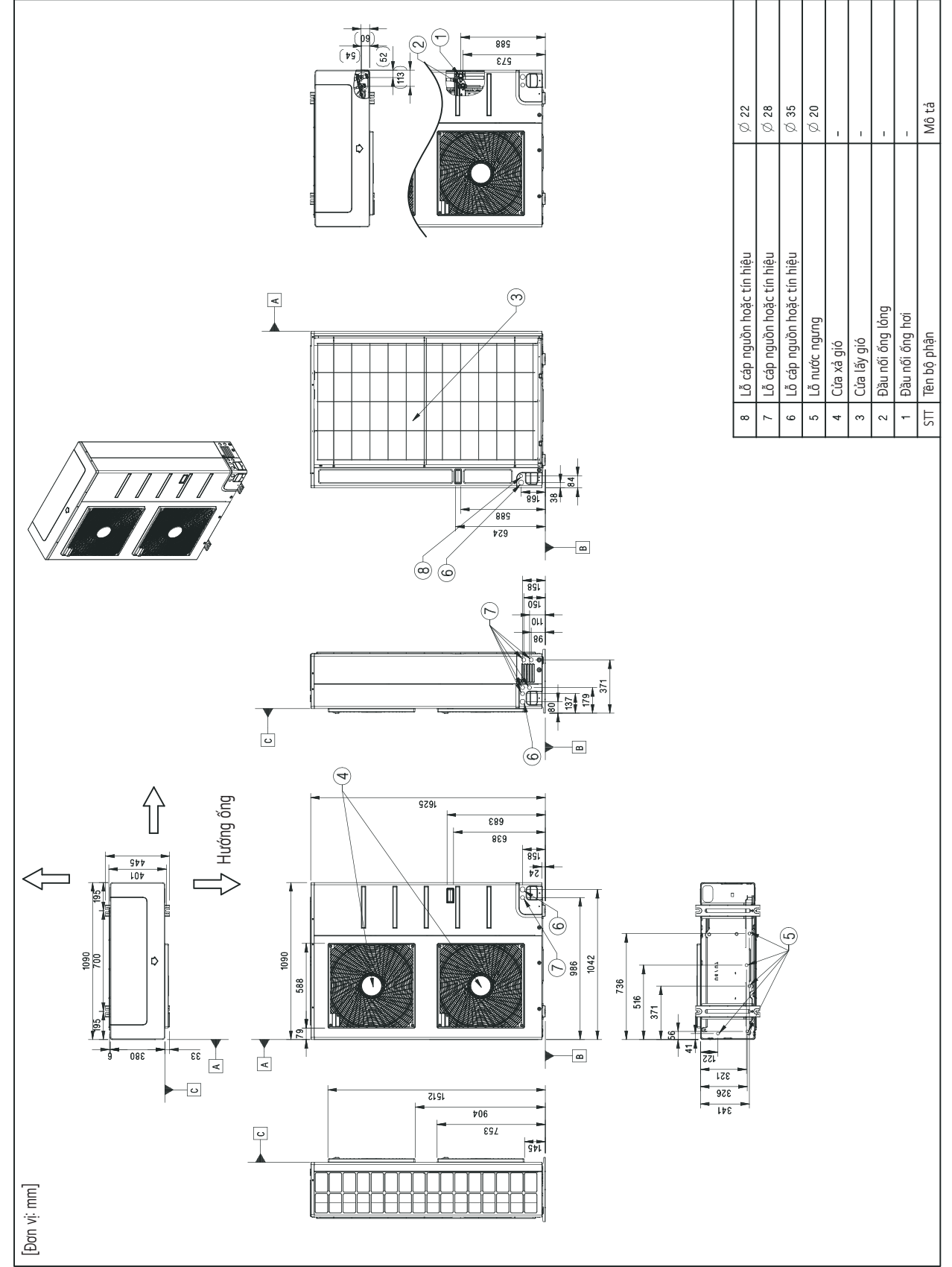
Kích thước

ARUN080LSS0



Kích thước

ARUN100LSS0 / ARUN120LSS0



Đặc tính điện

■ Hệ thống dây nguồn điện chính và công suất thiết bị

- Sử dụng nguồn điện riêng cho dàn nóng và dàn lạnh.
- Cần lưu ý đến điều kiện môi trường xung quanh (nhiệt độ, ánh nắng trực tiếp, nước mưa, v.v.) khi tiến hành đấu dây và kết nối
- Kích cỡ dây là giá trị tối thiểu cho hệ thống dây dẫn đi trong ống kim loại. Dây nguồn phải dày hơn 1 cấp để bù độ sụt áp của đường dây. Đảm bảo điện áp nguồn không sụt quá 10%.
- Phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể về hệ thống dây điện theo quy định của địa phương.
- Dây nguồn của các bộ phận thiết bị sử dụng ngoài trời không được nhẹ hơn dây mềm bọc polychloroprene (tiêu chuẩn thiết kế 60245 IEC57).
- Không lắp công tắc hoặc ổ cắm điện riêng để ngắt kết nối từng dàn lạnh riêng biệt với nguồn cấp.

⚠ CẢNH BÁO

- Tuân thủ quy định của địa phương về tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến thiết bị điện, quy định về hệ thống dây điện và hướng dẫn của từng công ty điện lực.
- Sử dụng đúng dây dẫn được chỉ định để đấu nối nhằm tránh gây tác động ngoại lực vào các đầu nối. Nếu không được cố định chắc chắn, các đầu nối có thể nóng hoặc gây cháy.
- Đảm bảo sử dụng đúng loại công tắc bảo vệ quá dòng. Lưu ý rằng dòng điện quá mức được tạo ra có thể bao gồm một lượng dòng điện một chiều nhất định.
- Tất cả các địa điểm lắp đặt phải được lắp cầu dao chống rò điện đất. Có thể bị điện giật nếu không lắp cầu dao chống rò điện đất.

⚠ CẨN TRỌNG

- Không sử dụng bất cứ loại cầu dao hoặc cầu chì nào khác ngoài loại có công suất phù hợp. Sử dụng cầu chì và dây điện hoặc dây đồng có công suất quá lớn có thể gây hỏng hóc thiết bị hoặc gây cháy nổ.

Đặc tính điện

Một chiều

Model	Dàn nóng			Nguồn cấp			COMP			OFM	
	Hz	Vôn	Dải điện áp	MCA	TOCA	MFA	MSC	RLA (Làm lạnh)	RLA (Sưởi ấm)	kW	FLA
3 HP	50	220-240	Tối thiểu 198, tối đa 264	20,2	21,3	25	-	9,7	-	0,124	0,5
4 HP				20,2	21,3	25	-	12,0	-	0,124	0,5
5 HP				22,8	25,1	32	-	16,8	-	0,198	0,9
6 HP				26,4	29,0	40	-	21,1	-	0,198	0,9

Hai chiều

Model	Dàn nóng			Nguồn cấp			COMP			OFM	
	Hz	Vôn	Dải điện áp	MCA	TOCA	MFA	MSC	RLA (Làm lạnh)	RLA (Sưởi ấm)	kW	FLA
4 HP	50	220-240	Tối thiểu 198, tối đa 264	23,6	26,0	30	-	14,5	13,7	0,124	0,5
5 HP				25,0	27,6	30	-	15,4	16,1	0,198	0,9
6 HP				26,4	29,0	40	-	18,5	20,1	0,198	0,9
4 HP		380-415	Tối thiểu 342, tối đa 456	14,6	16,1	20	-	4,5	4,2	0,124	0,5
5 HP				14,6	16,1	20	-	4,5	4,8	0,198	0,9
6 HP				14,6	16,1	20	-	5,6	6,1	0,198	0,9
8 HP				21,3	24,0	30	4,0	8,4	8,6	0,35	1,0
10 HP				26,3	35,0	30	4,5	9,3	9,5	0,50	2,8
12 HP				32,5	35,0	35	4,5	12,0	13,5	0,50	2,8

- Mức điện áp được cấp tới thiết bị phải nằm trong phạm vi tối thiểu và tối đa.
- Chênh lệch điện áp tối đa cho phép giữa các pha là 2%.
- MSC là dòng điện tối đa khi khởi động máy nén.
- MSC và RLA được đo trong điều kiện thử nghiệm của máy nén.
- OFM được đo trong điều kiện thử nghiệm dàn nóng.
- TOCA là tổng giá trị quá dòng của từng dàn nóng.
- Chọn kích cỡ dây dựa trên giá trị lớn hơn giữa MCA hoặc TOCA.
- MFA được sử dụng để chọn cầu chì và cầu dao chống rò điện đất. Tất cả vị trí lắp đặt phải được lắp cầu dao chống rò điện đất [loại cầu dao là ELCB (cầu dao chống rò điện đất)].
- Lựa chọn thiết bị điện của tổ hợp dàn nóng theo đặc tính điện của dàn nóng độc lập.

Ký hiệu

MCA: Minimum Circuit Amperes (A)
TOCA: Total Over Current Amperes (A)
MFA: Maximum Fuse Amperes (A)
MAC: Maximum Starting Current (A)
RLA: Rated Load Amperes (A)
OFM: Outdoor Fan Motor
kW: Fan Motor rate Output (kW)
FLA: Full Load Amperes (A)



www.lg.com/vn/business
www.partner.lge.com/vn

LG ELECTRONICS VIỆT NAM

Hà Nội	Tầng 15-16, Tòa văn phòng, Lotte Mall Hà Nội, 272 Võ Chí Công, Phú Thượng, Tây Hồ – Tel: 024 3934 5151
Hồ Chí Minh	Tầng 12, Tòa nhà Sofic, 10 Mai Chí Thọ, Thủ Thiêm, TP. Thủ Đức – Tel: 028 3925 6886
Đà Nẵng	Tầng 9, Tòa nhà Indochina, 74 đường Bạch Đằng, Hải Châu – Tel: 0236 3691 307
Nha Trang	Tầng 7, Tòa nhà Nha Trang, 42 Lê Thành Phương, Phường Sài – Tel: 0258 3813 468
Hạ Long	Shophouse, Lô D2-06, TTTM Hạ Long Marine Plaza, Bãi Cháy – Tel: 0203 3900 369

 Hotline: **1800 1503**

 LG HVAC Vietnam

 LG Vietnam

*Để liên tục phát triển sản phẩm, LG có quyền thay đổi thông số kỹ thuật hoặc thiết kế mà không cần thông báo trước

*Lưu ý

Đây là thiết bị sử dụng công nghệ biến tần nên có thể sinh ra sóng hài. Nếu pháp luật sở tại hoặc Chủ đầu tư yêu cầu cần triệt tiêu sóng hài tại công trình, vui lòng phối hợp với đơn vị thiết kế điện để thực hiện các biện pháp triệt tiêu sóng hài. Liên hệ với nhà cung cấp để có thêm thông tin chi tiết về đặc tính điện năng của sản phẩm điều hòa LG.



LG HVAC